

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 29-4-2021.  
“V/v tranh chấp về hôn nhân  
và gia đình, ly hôn và đòi tài  
sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kiều Nga.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Văn Thảo;

2. Bà Huỳnh Thị Thùy Dung.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Phát Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 29/4/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 20/2021/TLST - HN ngày 21 tháng 01 năm 2021 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXXST - HN ngày 13 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lại Trọng A, sinh năm: 1991;

Địa chỉ: Số 745/9, khóm VT1, phường NS, thành phố K, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Chị Bùi Thị Thùy B, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Số 745/9, khóm VT1, phường NS, thành phố K, tỉnh An Giang.

Nơi ở hiện nay: Số 483, đường Nguyễn Văn Thoại, khóm S Thới 2, phường S Phú B, thành phố K, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Ngọc S, thuộc Đoàn luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Trần, Đoàn luật sư tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông bà Lại Văn N, sinh năm: 1958 và Ngô Thị G, sinh năm: 1962; Địa chỉ: Tổ 17, khóm VT1, phường NS, thành phố K.

Anh Lại Trọng A và chị Bùi Thị Thùy B có mặt;

Luật sư Nguyễn Ngọc S có mặt.

Ông bà Lại Văn N - Ngô Thị G có đơn yêu cầu xét vắng mặt;

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lại Trọng A trình bày:*

Anh (Lại Trọng A) và chị Bùi Thị Thùy B tìm hiểu yêu thương nhau và đi đến kết hôn năm 2012, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường NS, thành phố K ngày 13/7/2012; số 46/HT; Quyền số: 01/2012. Cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn không cùng quan điểm sống. Hiện tại vợ chồng không còn sống chung với nhau. Tình cảm vợ chồng không còn, anh A kiện xin ly hôn chị B.

*Về con chung:* Vợ chồng sanh 01 con chung tên là Lại Ngọc Bảo Anh, sinh ngày 10/3/2015, hiện do chị B nuôi dạy; anh đồng ý giao con chung cho (B) nuôi dạy và anh tự nguyện cấp dưỡng 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng để chị B nuôi con chung.

*Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Nợ cha mẹ ruột của anh A: Lại Văn N - Ngô Thị G 1.300.000.000 (Một tỷ, ba trăm triệu) đồng.

*Lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Bùi Thị Thùy B trình bày:*

Thời gian, điều kiện đi đến hôn nhân theo trình bày của anh A là đúng. Cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn, hiện nay chúng tôi không còn sống chung với nhau.

*Về con chung:* Chị và anh A sanh được 01 con chung tên là Lại Ngọc Bảo Anh, sinh ngày 10/3/2015, hiện do chị đang nuôi dạy, chị yêu cầu nuôi dạy con chung và đồng ý anh A cấp dưỡng 3.000.000 (Ba triệu) đồng/tháng để chị nuôi con chung.

*Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Nợ cha mẹ chồng tên là Lại Văn N - Ngô Thị G: 1.300.000.000 (Một tỷ, ba trăm triệu) đồng.

Nguyên vọng chị B đồng ý thuận tình ly hôn theo yêu cầu kiện của anh A.  
*Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung chị B và anh A thỏa thuận: Anh A chịu trách nhiệm thanh toán cho cha mẹ chồng (N - G) 1.300.000.000 (Một tỷ ba trăm triệu) đồng.

*Lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Ông bà Lại Văn N - Ngô Thị G trình bày:*

Vào năm 2018, Trọng A có miếng đất cần xây nhà ở nhưng không có tiền nên chúng tôi cho A và B mượn tiền nhiều lần tổng cộng là 1.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu) đồng để xây nhà và tiền mua trang trí nội thất: 83.000.000 (Tám mươi ba triệu) đồng. Vợ chồng A - B kiện ly hôn Tòa án nhân dân thành phố K, A - B mượn số tiền khá lớn nhưng mà đến nay chưa trả cho chúng tôi (trong khoản tiền trên có cả khoản tiền bồi thường cho ông Nguyễn Văn Q (Tôi) kiện A và B khi xây nhà làm nứt tường nhà ông Q). Nay, chúng tôi (N - G) cùng có yêu cầu Tòa án buộc Lại Trọng A - Bùi Thị Thùy B phải có trách nhiệm trả cho chúng tôi số tiền mượn để xây nhà là 1.500.000.000 (Một tỷ, năm trăm triệu) đồng và một số vật dụng trong nhà là do ông bà sắm 83.000.000 (Tám mươi ba triệu) đồng gồm có:

- Một bộ ghế gỗ trị giá: 20.000.000 đồng;
- Một ti vi hình phẳng trị giá 16.000.000 đồng;
- Một bộ Karaoke trị giá 10.000.000 đồng;
- Một máy phát điện trị giá 10.000.000 đồng;
- Một máy lạnh điều hòa trị giá 7.000.000 đồng;
- Một tủ lạnh trị giá 20.000.000 đồng.

Tòa án đã triệu tập anh A, chị B và ông bà N - G đến Tòa án tham gia tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 02/4/2021, các đương sự thỏa thuận với nhau toàn bộ vụ án, Tòa án lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, cụ thể là ông bà rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu) đồng và 83.000.000 (Tám mươi ba triệu) đồng, ông bà đồng ý để A thanh toán cho ông bà 1.300.000.000 (Một tỷ, ba trăm triệu) đồng, thanh toán bên ngoài. Chiều cùng ngày 02/4/2021, ông bà N - G có gởi đơn thay đổi yêu cầu: Không chấp nhận anh Lại Trọng A thanh toán cho ông bà số tiền 1.300.000.000 (Một tỷ ba trăm triệu) đồng và tiếp tục yêu cầu A - B phải trả cho ông bà 1.300.000.000 (một tỷ ba trăm triệu) đồng.

Tại phiên tòa,

Anh A và chị B giữ ý kiến ban đầu;

Hội đồng xét xử công bố: Đơn yêu cầu rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện độc lập và yêu cầu xét xử vắng mặt của ông Lại Văn N - Ngô Thị G.

*Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông bà Lại Văn N - Ngô Thị G có đơn yêu cầu rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện độc lập và yêu cầu xét xử vắng mặt về việc kiện đòi anh chị Lại Trọng A - Bùi Thị Thùy B trả số tiền 1.300.000.000 (Một tỷ ba trăm triệu) đồng trước phiên tòa diễn ra nên không có ý kiến.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

***Việc tuân theo pháp luật tố tụng:***

*\* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:*

*\* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48 BLTTDS. Xác định thẩm quyền thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 BLTTDS năm 2015.

*\* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa:*

Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

*\* Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:*

Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu xét xử vắng mặt, thuộc trường hợp Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 BLTTDS năm 2015.

*Ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

*Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của đương sự thể hiện:*

Nội dung vụ án: Năm 2012, ông A và bà B tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường NS ngày 13/7/2012. Do đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và hiện không còn sống chung, thuận tình ly hôn.

- Về con chung: có 01 con chung tên Lại Ngọc Bảo Anh, sinh ngày 10/3/2015, cả hai thống nhất giao cho bà B nuôi dạy, ông A cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng. thời gian kể từ ngày 10/4/2021.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Do người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đã rút toàn bộ yêu cầu nên căn cứ Điều 244 BLTTDS 2015 đình chỉ.

Từ phân tích trên, căn cứ theo quy định tại Điều 27; Điều 37, Điều 55, Điều 60; Điều 81,82,83, Điều 110, Điều 116 Luật HNGĐ 2014; Điều 166 BLDS 2015; Điều 244 BLTTDS 2015 công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông A, bà B; bà B được nuôi dạy cháu Lại Ngọc Bảo Anh, ông A cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/ tháng thời gian kể từ ngày 10/4/2021 đến khi cháu Anh đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông N, bà G về việc buộc ông A, bà B trả số tiền 1.500.000.000 đồng và 83.000.000 đồng, đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### *Về tố tụng:*

Anh Lại Trọng A khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Bùi Thị Thùy B. Ông bà Lại Văn N - Ngô Thị G có đơn khởi kiện anh chị A - B đòi số tiền mượn cất nhà: 1.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu) đồng và 83.000.000 (Tám mươi ba triệu) đồng (mua trang trí nội thất). Anh A và chị B cư ngụ trên địa bàn thành phố K và có yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố K thụ lý giải quyết vụ án. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và tranh chấp đòi tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

#### *[1]. Về vắng mặt của đương sự:*

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

#### *Về nội dung:*

*\* Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung:*

#### *[2] Về quan hệ hôn nhân:*

Anh Lại Trọng A và chị Bùi Thị Thùy B khai thống nhau là cả hai tự tìm hiểu yêu thương nhau và đi đến hôn nhân vào năm 2012, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường NS, thành phố K ngày 13/7/2012; số 46/HT; Quyền số: 01/2012, nên xem hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Anh A yêu cầu xin ly hôn với chị B với nguyên nhân trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và nay cả hai không còn sống chung với nhau. Trong lời khai chị B thừa nhận và đồng ý ly hôn với anh A.

Vợ chồng có nghĩa vụ phải yêu thương, chăm sóc, tôn trọng, chung sống với nhau với nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng theo các bên trình bày trên, cho thấy vợ chồng không còn yêu thương nhau, không muốn hàn gắn tình cảm, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích của hôn nhân không đạt được. Chị B đồng ý thuận tình ly hôn anh A. Do đó đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A như đề nghị của Kiểm sát viên.

*[3] Về con chung:*

Anh Lại Trọng A và chị Bùi Thị Thùy B khai thống nhất nhau là sanh được 01 con chung tên: Lại Ngọc Bảo Anh, sinh ngày 10/3/2015, hiện do chị B đang nuôi dạy, anh A tự nguyện cấp dưỡng 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng để chị B nuôi con chung và được chị B đồng ý. Thời gian cấp dưỡng ngày 10/4/2021.

*Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Anh Lại Trọng A và chị Bùi Thị Thùy B khai thống nhất nhau là trong thời gian sống chung có mượn của: Ông bà Lại Văn N - Ngô Thị G (cha mẹ ruột của A) và là cha mẹ chồng của B: 1.300.000.000 (Một tỷ ba trăm triệu) đồng để cất nhà. Cả hai thống nhất khoản nợ chung sẽ do anh A thanh toán cho ông bà N - A vì các anh chị có tài sản chung thỏa thuận phân chia.

Ngày 02/4/2021, tại biên bản hòa giải các đương sự thỏa thuận toàn bộ nội dung vụ án, ông bà N - G đồng ý khoản nợ chung 1.300.000.000 (Một tỷ ba trăm triệu) đồng cho anh A thanh toán cho ông bà và ông bà rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện A - B trả cho ông bà: 1.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu) đồng và 83.000.000 (Tám mươi ba triệu) đồng.

Do các đương sự thỏa thuận toàn bộ nội dung vụ án nên Tòa án lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành với các nội dung như sau: "..."

Biên bản thể hiện: Ông bà Lại Văn N - Ngô Thị G rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện

Chiều cùng ngày ông bà Lại Văn N - Ngô Thị G đến Tòa án thông báo không chấp nhận việc A thanh toán khoản nợ 1.300.000.000 (Một tỷ ba trăm triệu) đồng cho ông bà và giao nộp đơn thay đổi yêu cầu. Các phần khác ông bà giữ y là rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng và 83.000.000 (Tám mươi ba triệu) đồng.

Do ông bà N - G có thay đổi ý kiến nên Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Ngày 27/4/2021 ông bà N - G có đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện độc lập đối với anh chị A - B: Khoản tiền 1.500.000.000 đồng và 83.000.000 đồng, xét chấp nhận.

*[5] Về án phí:*

Anh Lại Trọng A phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng. Tổng cộng là 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2019/0004265 ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chi cục

Thi hành án dân sự thành phố K; anh Lại Trọng A còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng.

Chị Bùi Thị Thùy B không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Bà Ngô Thị G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà G 29.745.000 (Hai mươi chín triệu, bảy trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số TU/2019/0004283 ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố K.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ các Điều 27, Điều 37, Điều 55, Điều 60, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*]:

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lại Trọng A và chị Bùi Thị Thùy B.

Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân phường NS, thành phố K ngày 13/7/2012; số 46/HT; Quyền số: 01/2012 không còn giá trị pháp lý.

[2]. *Về con chung, phương thức cấp dưỡng*:

*Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Lại Trọng A và chị Bùi Thị Thùy B về việc nuôi con chung và phương thức cấp dưỡng*:

Chị Bùi Thị Thùy B nuôi dạy con chung tên: Lại Ngọc Bảo Anh, sinh ngày 10/3/2015. Anh Lại Trọng A cấp dưỡng mỗi tháng là 3.000.000 (Ba triệu) đồng để chị B nuôi dạy con chung cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 10/4/2021.

Chị Bùi Thị Thùy B cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Lại Trọng A trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] *Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015*;

Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đối với việc yêu cầu anh Lại Trọng A và chị Bùi Thị Thùy B trả cho: Ông bà Lại Văn N - Ngô Thị G số tiền: 1.500.00.000 (Một tỷ, năm triệu) đồng là khoản tiền

mượn cất nhà và 83.000.000 (Tám mươi ba triệu) đồng là khoản tiền mua trang trí nội thất.

*[5]. Về án phí sơ thẩm:*

Anh Lại Trọng A phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng. Tổng cộng là 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2019/0004265 ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K; anh Lại Trọng A còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng.

Chị Bùi Thị Thùy B không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Bà Ngô Thị G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà G 29.745.000 (Hai mươi chín triệu, bảy trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số TU/2019/0004283 ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố K.

*[6] Về quyền kháng cáo:*

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông bà Lại Văn N - Ngô Thị G là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. K (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.K (1);
- Các đương sự;
- UBND xã, phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Kiều Nga**





